

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26-12-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

và tranh chấp về xác định cha cho con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Tâm.

Ông Nguyễn Văn Giáp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn và tranh chấp về xác định cha cho con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị B, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Thanh L, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 5 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2015 chị Võ Thị B và anh Trần Thanh L tự nguyện làm đám cưới với nhau. Đến ngày 19/10/2015 chị B và anh L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 86, ngày 19/10/2015. Sau khi kết hôn chị B và anh L chung sống với nhau hạnh phúc, nhưng đến năm 2021 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L gia trưởng, không lo làm ăn và thường xuyên dùng lời lẽ

thô tục chửi mắng và đánh chị B. Chị B và anh L không còn sống chung từ tháng 12/2021.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị B và anh L có với nhau 02 người con chung tên: Trần Hoàng T1, sinh ngày 23/4/2016 và Trần Trọng T2, sinh ngày 30/4/2018. Hiện nay, cháu T1 và T2 đang sống chung với anh L. Ngoài ra, sau khi Tòa án thụ lý vụ án, chị B cung cấp cho Tòa án Giấy chứng sinh số 38, quyển số 01/2022 ngày 28/6/2022 do Trung tâm y tế huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp cho: Họ và tên người mẹ: Võ Thị B, sinh năm 1993; nơi đăng ký thường trú ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng thể hiện đã sinh con vào lúc 12 giờ 48 phút ngày 25/6/2022, số con trong lần sinh: Một, giới tính: Nữ, dự định đặt tên con là Nguyễn Huỳnh A, đến nay chị B chưa đăng ký cấp giấy khai sinh cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay chị B yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị B yêu cầu được ly hôn với anh Trần Thanh L.

- Về con chung: Chị B yêu cầu giao 02 con chung tên Trần Hoàng T1, sinh ngày 23/4/2016 và Trần Trọng T2, sinh ngày 30/4/2018 cho anh Trần Thanh L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng cháu bé, giới tính nữ do chị B đã sinh con vào lúc 12 giờ 48 phút ngày 25/6/2022 tại Trung tâm y tế huyện T, tỉnh Sóc Trăng, chị B cho rằng đây là con riêng của chị B, không phải là con chung giữa chị B với anh L, chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu bé này đến tuổi thành niên, chị B không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi cháu bé này.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10 tháng 6 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Trần Thanh L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, tài sản chung, nợ chung đúng như chị B trình bày. Về mâu thuẫn gia đình do bất đồng quan điểm sống, chị B tự bỏ đi.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị B và anh L có với nhau 02 người con chung tên: Trần Hoàng T1, sinh ngày 23/4/2016 và Trần Trọng T2, sinh ngày 30/4/2018. Hiện nay, cháu T1 và cháu T2 đang sống chung với anh L. Ngoài ra, sau khi Tòa án thụ lý vụ án, thì chị B đang mang thai và đã sinh 01 cháu bé, giới tính nữ vào ngày 25/6/2022, anh L và chị B chưa đăng ký cấp giấy khai sinh cho con, anh L xác định đây là con chung của anh L với chị B.

Nay anh L có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Thanh L đồng ý ly hôn với chị Võ Thị B.

- Về con chung: Anh L đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Trần Hoàng T1, sinh ngày 23/4/2016 và Trần Trọng T2, sinh ngày 30/4/2018 đến tuổi

thành niên, anh L không yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng cháu bé, giới tính nữ do chị B đã sinh con vào ngày 25/6/2022 tại Trung tâm y tế huyện T, tỉnh Sóc Trăng, anh L xác định đây là con chung của anh L với chị B, anh L đồng ý giao cháu bé này cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, xét thấy nguyên đơn, bị đơn thường xuyên mâu thuẫn với nhau do bất đồng quan điểm sống, không còn sống chung với nhau thời gian dài, không hàn gắn được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

- Về con chung: Chị B và anh L có 02 con chung tên Trần Hoàng T1, sinh ngày 23/4/2016 và Trần Trọng T2, sinh ngày 30/4/2018, chị B và anh L thống nhất giao hai con chung là cháu T1, cháu T2 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Riêng cháu bé, giới tính nữ do chị B đã sinh con vào lúc 12 giờ 48 phút ngày 25/6/2022 tại Trung tâm y tế huyện T, tỉnh Sóc Trăng, chị B cho rằng đây là con riêng của chị B, không phải là con chung giữa chị B với anh L, chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu bé này đến tuổi thành niên nhưng anh L cho rằng đây là con chung của anh L với chị B. Xét thấy, cháu bé nêu trên do chị B sinh ra trong thời kỳ hôn nhân và chị B không có chứng cứ nào chứng minh cháu bé trên không phải là con chung giữa chị B với anh L. Căn cứ theo khoản 1 Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận cháu bé trên là con chung của anh L với chị B. Chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu bé mới sinh này cho đến tuổi thành niên và anh L đồng ý. Căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử giao hai cháu Trần Hoàng T1, sinh ngày 23/4/2016 và Trần Trọng T2, sinh ngày 30/4/2018 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp; giao cháu bé, giới tính nữ do chị B đã sinh con vào lúc 12 giờ 48 phút ngày 25/6/2022 tại Trung tâm y tế huyện T, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng sinh số 38, quyển số 01/2022 ngày 28/6/2022 do Trung tâm y tế huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp cho: Họ và tên người mẹ: Võ Thị B, sinh năm 1993; nơi đăng ký thường trú ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, giành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của nhau cho chị B và anh L.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị B và anh L xác định không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.
 - Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.
- Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Chị Võ Thị B, cư trú tại ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; anh Trần Thanh L, cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Chị B có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh L và yêu cầu giao con chung cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị B đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã thụ lý đơn khởi kiện và thông báo cho chị B nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và chị B đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thụ lý đơn khởi kiện của chị Võ Thị B là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Khi thụ lý vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, chị B cung cấp cho Tòa án Giấy chứng sinh số 38, quyển số 01/2022 ngày 28/6/2022 do Trung tâm y tế huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp thể hiện chị B đã sinh con vào lúc 12 giờ 48 phút ngày 25/6/2022, số con trong lần sinh: Một, giới tính: Nữ, đến nay chị B chưa đăng ký cấp giấy khai sinh cho con; chị B cho rằng đây là con riêng của chị B, tuy nhiên anh L cho rằng đây là con chung giữa anh L với chị B nên Tòa án xác định lại quan hệ tranh chấp của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn và tranh chấp về xác định cha cho con” theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn chị Võ Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Võ Thị B.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị B, sinh năm 1993 và anh Trần Thanh L, sinh năm 1990 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 86 ngày 19 tháng 10 năm 2015 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị B và anh Trần Thanh L là hợp pháp.

[4] Xét lý do xin ly hôn của chị Võ Thị B, Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng chị B, anh L hạnh phúc được một thời gian. Đến tháng 12 năm 2021, thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống nên vợ chồng không còn hạnh phúc, chị B và anh L không còn sống chung từ tháng 12 năm 2021 cho đến nay. Chị B và anh L đã bỏ mặc nhau làm cho tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị B và anh L trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm anh L đồng ý ly hôn với chị B nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B.

[5] Về con chung: Chị B và anh L có 02 con chung tên Trần Hoàng T1, sinh ngày 23/4/2016 và Trần Trọng T2, sinh ngày 30/4/2018, chị B và anh L thống nhất giao hai con chung là cháu T1, cháu T2 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Riêng cháu bé, giới tính nữ do chị B đã sinh con vào lúc 12 giờ 48 phút ngày 25/6/2022 tại Trung tâm y tế huyện T, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng sinh số 38, quyển số 01/2022 ngày 28/6/2022 do Trung tâm y tế huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp cho: Họ và tên người mẹ: Võ Thị B, sinh năm 1993; nơi đăng ký thường trú ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, chị B cho rằng đây là con riêng của chị B, không phải là con chung giữa chị B với anh L, chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu bé này đến tuổi thành niên nhưng anh L cho rằng đây là con chung của anh L với chị B. Theo khoản 1 Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Con sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hoặc do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân là con chung của vợ chồng”*, cháu bé nêu trên do chị B sinh ra trong thời kỳ hôn nhân và chị B không có chứng cứ nào chứng minh cháu bé trên không phải là con chung giữa chị B với anh L nên căn cứ theo khoản 1 Điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử công nhận cháu bé nêu trên là con chung của anh L với chị B. Chị B yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu bé mới sinh này cho đến tuổi thành niên và anh L đồng ý. Căn cứ vào khoản 2, 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao hai cháu Trần Hoàng T1, sinh ngày 23/4/2016 và Trần Trọng T2, sinh ngày 30/4/2018 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp; giao cháu bé, giới tính nữ do chị B đã sinh con vào lúc 12 giờ 48 phút ngày 25/6/2022 tại Trung tâm y tế huyện T, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng sinh số 38, quyển số 01/2022 ngày 28/6/2022 do Trung tâm y tế huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp cho: Họ và tên người mẹ: Võ Thị B, sinh năm 1993; nơi đăng ký thường trú ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, chị B không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung đến tròn 18 tuổi, anh L cũng không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung đến tròn 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Căn cứ vào khoản 1 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, chị B và anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của nhau mà không ai được cản trở. Chị B và anh L không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung

để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của nhau.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Chị B và anh L xác định không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Chị Võ Thị B là người có đơn xin ly hôn, chị B và anh L đều thỏa thuận tự nguyện ly hôn trước khi Tòa án quyết định đưa ra xét xử nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nên chị B và anh L chỉ phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn là 150.000 đồng (chị B phải chịu 75.000 đồng, anh L phải chịu 75.000 đồng). Riêng đối với yêu cầu của chị B về việc xác định cháu bé, giới tính nữ do chị B đã sinh con vào lúc 12 giờ 48 phút ngày 25/6/2022 tại Trung tâm y tế huyện T, tỉnh Sóc Trăng là con riêng của chị B, không phải là con chung giữa chị B với anh L; anh L thì cho rằng cháu bé này là con chung giữa anh L với chị B. Theo nhận định tại đoạn [5] Hội đồng xét xử đã xác định cháu bé nêu trên là con chung của chị B với anh L. Do yêu cầu của chị B không được Tòa án chấp nhận nên căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1, 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chị B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, 4 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56; Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 và khoản 1 Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1, 4 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Võ Thị B và anh Trần Thanh L ly hôn.

2. Về con chung:

- Giao hai con chung tên Trần Hoàng T1, sinh ngày 23/4/2016 và Trần Trọng T2, sinh ngày 30/4/2018 cho anh Trần Thanh L trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

- Giao cháu bé do chị Võ Thị B sinh vào lúc 12 giờ 48 phút ngày 25/6/2022, số con trong lần sinh: Một, giới tính: Nữ theo Giấy chứng sinh số 38, quyền số 01/2022 ngày 28/6/2022 do Trung tâm y tế huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp, (đến nay chị B và anh L chưa đăng ký cấp giấy khai sinh cho con) cho chị Võ Thị B trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

- Giành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của nhau cho chị B và anh L mà không ai được cản trở. Chị B và anh L không được lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của nhau.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị B và anh L xác định không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí:

- Chị Võ Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 75.000 đồng và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001843 ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị Võ Thị B còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 75.000 đồng.

- Anh Trần Thanh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 75.000 đồng.

6. Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; riêng nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- UBND xã A, huyện C;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Phước Tuấn